

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh
2. Ông Phạm Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Thùy D, sinh năm 1980; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 316, đường L, tổ 05, phường Tr, thành phố T; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 16, ngõ 98, tổ 17, phường L, thành phố T; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 316, đường L, tổ 05, phường Tr, thành phố T; Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện công lập tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 06 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thùy D thể hiện:*

Chị và anh Nguyễn Mạnh T tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố T, tỉnh T vào ngày 31 tháng 12 năm

2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh T không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, anh T thường xuyên chơi bời bỏ nhà đi không quan tâm chăm sóc cho gia đình, ngoài ra anh không có trách nhiệm đóng góp vào việc nuôi dưỡng các con, bản thân chị đã cố gắng nhưng đến nay chị thấy không thể níu kéo được hôn nhân này và chị đã cùng ba con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại số nhà 16, ngõ 98, tổ 17, phường L, thành phố T từ năm 2014 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Mạnh T có ba con chung là Nguyễn Việt B, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2003; Nguyễn PA, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 và Nguyễn HA, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang làm tại Công ty TNHH TN; Địa chỉ: Lô 70, 71, đường L, khu Đô Thị Tr, thành phố T, thu nhập bình quân hàng tháng của chị từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 10 tháng 07 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Mạnh T thể hiện:*

Về thủ tục và thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 5, phường Tr, thành phố T cùng với bố mẹ đẻ anh, trong quá trình chung sống có những mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức căng thẳng dẫn đến vợ chồng ly hôn. Đến năm 2016 anh T có việc không có mặt ở nhà thì chị D có mâu thuẫn với em trai anh T, nên chị D đã chuyển về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị được thời gian ngắn thì chị D cùng ba con lại chuyển ra ở riêng tại chung cư Đ, phường QT, thành phố T sinh sống từ đó, còn anh T vẫn sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T. Đến ngày 29 tháng 5 năm 2019 anh T thấy bản thân không thể tự cai nghiện ma túy được nên anh đã tự nguyện xin vào cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình để cai nghiện. Nay chị D có đơn ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh thấy giữa anh và chị D có nhiều lý do khác nhau nên tạm thời không chấp nhận đơn ly hôn này của chị D và chưa có quan điểm gì về con cái và tài sản.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 7 năm 2019 bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh T) thể hiện:*

Hôn nhân giữa anh T và chị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc cùng gia đình bà tại tổ 05, phường Tr, thành phố T. Thời gian anh chị chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng mà chỉ có lý do anh T mắc nghiện ma túy không tự cai nghiện được nên chị D buồn chán và đã tự đưa ba con chung của anh chị ra ở riêng từ khoảng năm 2014 đến nay, trước khi đi cai nghiện anh T vẫn sinh sống tại gia đình bà. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh T, gia đình bà mong muốn anh T và chị D đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung, nếu chị D vẫn cương quyết ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị D có ba con chung như chị D trình bày là đúng, hiện ba con đang ở cùng với chị D. Nếu chị D và anh T ly hôn, việc chăm nuôi con như thế nào là quyết định của anh T, chị D, bà không có ý kiến gì.

Về tài sản: Chị D không đề nghị giải quyết, nên gia đình bà không có ý kiến gì.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 7 năm 2019 bà Bùi Thị H (mẹ đẻ chị D) trình bày:*

Năm 2001 chị D và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định, sau khi kết hôn có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bà thấy chị D và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mãi chơi, thường xuyên không ở nhà, không quan tâm đến vợ con mặc dù gia đình đã khuyên giải và chị D cũng đã nhẫn nhịn để vun vén hạnh phúc gia đình nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào khoảng năm 2014, chị D không chịu nổi nên đã đưa ba con về nhà bà ở từ đó cho đến nay. Trong thời gian chị D ở nhà bà không thấy anh T có trách nhiệm gì với vợ con, không chu cấp tiền nuôi con cho chị D. Nay chị D có đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn anh T để chị D sớm ổn định cuộc sống.

** Tại biên bản xác minh đề ngày 02 tháng 08 năm 2019, ông Nguyễn Như Đ - Tổ trưởng tổ 05, phường Tr, thành phố T cung cấp:* Chị Đặng Thị Thùy D và anh Nguyễn Mạnh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr, thành phố T vào ngày 31 tháng 12 năm 2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại tổ 5, phường Tr, thành phố T. Đến khoảng năm 2014 không thấy chị D sinh sống tại địa phương, được biết chị D cùng 03 con về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị D. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, quá trình anh T, chị D chung sống tại địa phương không thấy mâu thuẫn, điều tiếng gì.

Về con chung: Chị D và anh T có ba con chung như chị D trình bày là đúng. Nếu chị D và anh T ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các

cháu và giải quyết quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Về tài sản: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình, Tòa án đã lập biên bản theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T; Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao các con Nguyễn Việt B, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2003; Nguyễn PA, sinh ngày 30/12/2011 và Nguyễn HA, sinh ngày 30/12/2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên việc cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có quan điểm thể hiện về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

- Chị D, anh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng từ chối nhận. Tòa án đã tiến hành làm các thủ tục trích xuất anh T nhưng anh T từ chối làm việc với Tòa án và không thể hiện ý kiến gì về việc được tham gia phiên tòa, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Thùy D và anh Nguyễn Mạnh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố T, tỉnh T vào ngày 31 tháng 12 năm 2001 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay chứng tỏ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, cho ly hôn giữa chị D và anh T.

[2.2.] Về con chung: Chị D và anh T có ba con chung là Nguyễn Việt B, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2003; Nguyễn PA, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 và Nguyễn HA, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011, xét yêu cầu của chị D và nguyện vọng của các cháu là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao ba cháu Nguyễn Việt B, Nguyễn HA và Nguyễn PA cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh Nguyễn Mạnh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các các điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 146, 147, 227, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị Thùy D và anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Việt B, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2003; Nguyễn PA, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 và Nguyễn HA, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009899 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành án phí. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Thùy D và anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố T, tỉnh T.
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền